PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

(Kèm theo Tờ trình : 71/TTr-HĐQT ngày 21/08/2024 của HĐQT Công ty CP Tập đoàn Hà Đô)

TT	Điều	Nội dung hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do/Ghi chú
1.	Điều 1.c	"Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.*	"Ngày thành lập" Công ty là *ngày 09/10/1990*.	Quy định theo thực tế lịch sử công ty.
2.	Điều 1.1.e	a. "Cổ đông" có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào *mà tên của họ và các thông tin khác mà Pháp luật yêu cầu được nêu trong sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn với tư cách là chủ sở hữu của các cổ phần và Cổ phần của họ đã được thanh toán.*	a. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.	Thống nhất với định nghĩa tại Luật doanh nghiệp 2020 ("LDN").
3.	Điều 1.1.l	*Chưa quy định*	l. "Phân cấp ra quyết định của Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô" là văn bản do Hội đồng quản trị ban hành nhằm mục đích phân định rõ quyền hạn, nghĩa vụ của các cấp quản lý, điều hành trong nội bộ Công ty trên cơ sở quy định của pháp luật, Điều lệ này và thực tế nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô.	Thống nhất tên gọi bản phân cấp ra quyết định của công ty được đề cập đến tại một số điều khoản trong Điều lệ.
4.	Điều 1.1.m	*Chưa quy định*	m. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô.	Giải thích các từ viết tắt sử dụng trong Điều lệ.
5.	Điều 1.1.n	*Chưa quy định*	n. "HĐQT" là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô.	Giải thích các từ viết tắt sử dụng trong Điều lệ.
6.	Điều 1.1.o	*Chưa quy định*	o. "Tập đoàn Hà Đô" hoặc "Tập đoàn" là một tổ chức không có tư cách pháp nhân, bao gồm Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô và các công ty con của Công ty.	Ghi nhận, làm rõ khái niệm Tập đoàn Hà Đô sử dụng trong Điều lệ.
7.	Chương II	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, *NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ CHỦ TỊCH SÁNG LẬP* CỦA CÔNG TY	Sửa tên chương thống nhất với nội dung điều khoản.
8.	Điều 2.2	2. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Số 8 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội...	2. Trụ sở đăng ký của Công ty là: + Địa chỉ: Số 8 Láng Hạ, *phường Thành Công*, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội Hà Nội... *+ Email: hq@hado.com.vn...*	Thống nhất với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

			+ Fax: 024 38355526...	
9.	Điều 3.1	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là *Chủ tịch HĐQT của Công ty*.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT hoặc *Tổng Giám đốc của Công ty. Ngoài ra, theo yêu cầu công việc có thể cử thêm một số người đại diện theo pháp luật khi cần thiết.*	Nâng cao trách nhiệm của TGĐ trong việc đảm nhiệm vai trò Người đại diện theo pháp luật của Công ty nhằm kịp thời điều hành việc sản xuất, kinh doanh trong thời gian sắp tới.
10.	Điều 4 (mới)	*Chưa quy định*	Điều 4. Chủ tịch sáng lập 1. Chủ tịch sáng lập là người sáng lập công ty hoặc người được người sáng lập công ty chuyển giao chức danh và thỏa mãn các điều kiện sau: - Sở hữu từ 11% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; - Có uy tín, kiến thức kỹ năng và kinh nghiệm để tạo ra các sản phẩm tốt lành và sức cạnh tranh cao trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty. - Có tầm nhìn chiến lược đảm bảo cho sự phát triển bền vững của công ty, đảm bảo Công ty hoạt động theo quy định của nhà nước và pháp luật của Công ty, gọi chung là hoạt động theo pháp trị. 2. HĐQT thỏa thuận với Chủ tịch sáng lập về cơ chế phối hợp làm việc giữa Chủ tịch sáng lập, Chủ tịch HĐQT cũng như toàn thể thành viên HĐQT và các thành viên Ban điều hành Công ty. 3. Thông tin người sáng lập công ty: - Họ và tên: Nguyễn Trọng Thông - Ngày tháng năm sinh: 12/12/1953 - Số CCCD: 042053000066 do Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 17/03/2016. - Địa chỉ thường trú: Tổ 10 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	- ĐHĐCĐ ghi nhận, tôn vinh ông Nguyễn Trọng Thông là người sáng lập, đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của Công ty. - Tạo cơ chế để Ông Nguyễn Trọng Thông tiếp tục giúp đỡ HĐQT hoạt động ổn định và hoàn chỉnh giai đoạn xây dựng quy chế, quy trình đặc biệt là Quy trình sản xuất kinh doanh - là hệ thống pháp luật Công ty để chuyển cho cho thế hệ trẻ của Công ty, đảm bảo vốn đầu tư của Quý cổ đông tiếp tục hiệu quả, Công ty phát triển bền vững.

11.	Điều 4.1	1. Lĩnh vực kinh doanh của công ty là: • Đầu tư kinh doanh Bất động sản; • Môi giới Bất động sản, quản lý Bất động sản, quản lý nhà, kinh doanh dịch vụ du lịch; • Sản xuất, truyền tải và phân phối điện • Thi công xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông thủy lợi, xây lắp điện nước;	1. Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là: • Đầu tư và kinh doanh bất động sản *dân dụng (nhà ở, khách sạn, văn phòng, thương mại)* • *Đầu tư sản xuất và kinh doanh điện năng:* • *Đầu tư tài chính;* • *Đầu tư và kinh doanh hạ tầng bao gồm nước sạch, khu công nghiệp, logistics (cảng đường thủy, cảng cạn, ga đường sắt…).* • *Các lĩnh vực khác căn cứ tình hình thực tế tại từng thời kỳ.*	Cập nhật lại thống nhất với chiến lược HĐQT công ty trong nhiệm kỳ 2024-2029.
12.	Điều 4.2	4.2. Mục tiêu hoạt động của công ty là: - Trở thành Tập đoàn kinh tế hoạt động đa ngành hàng đầu Việt Nam hướng đến một Tập đoàn mang đẳng cấp Quốc tế. - Tạo và gia tăng lợi nhuận cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội. - Đầu tư và phát triển các sản phẩm bất động sản chất lượng cao phù hợp với nhu cầu khách hàng, với phương châm khách hàng là khởi nguồn cho mọi sáng tạo sản phẩm của Tập đoàn.	4.2. Mục tiêu hoạt động của công ty là: - Trở thành Tập đoàn kinh tế hoạt động đa ngành hàng đầu Việt Nam mang đẳng cấp Quốc tế. - Gia tăng lợi nhuận cho các cổ đông. - Không ngừng tạo ra *sản phẩm tốt lành phục vụ xã hội*. - Luôn luôn sáng tạo trong sản xuất kinh doanh với triết lý "Khách hàng nơi khởi nguồn của mọi sáng tạo".	Thống nhất với lĩnh vực ngành nghề của Công ty và ý chí, mục tiêu sản phẩm của công ty hướng tới.
13.	Chương VI và Điều 6	VI. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	VI. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	Thống nhất với nội dung điều khoản
14.	Điều 6.6.	Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. *Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.*	Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Tùy từng trường hợp, Cổ phần mua lại có thể được xử lý theo 2 hình thức: - Đăng ký giảm vốn điều lệ (Khoản 2 Điều 134 LDN). - Bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại (Khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán).

15.	Điều 6.7.	Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác *khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua và* phù hợp với quy định của pháp luật.	Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật.	Nới rộng quyền cho HĐQT quyết định đối với các loại chứng khoán khác không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 130 LDN.
16.	Điều 7.5	5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, *cổ đông* sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. *Cổ đông phải cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.*	Thống nhất với quy định tại điểm b khoản 3 điều 121 LDN
17.	Điều 8	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.	Trình bày lại cho rõ nghĩa. Thống nhất với thông tư 116/2020/TT-BTC
18.	Điều 10.	Thu hồi cổ phần	*Bỏ nội dung này.*	Nội dung này chỉ áp dụng trong trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp (Điều 113 LDN), không còn cần thiết ở thời điểm hiện tại, đề nghị bỏ.
19.	Chương V Điều 11.	V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, *QUẢN LÝ* VÀ KIỂM SOÁT Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. ĐHĐCĐ; b. *HĐQT;* *c. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT, trong đó bao gồm Ủy ban kiểm toán;*	V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, *QUẢN TRỊ* VÀ KIỂM SOÁT Điều 11. Cơ cấu tổ chức, *quản trị và kiểm soát* Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. ĐHĐCĐ; *b. HĐQT, Ủy ban kiểm toán và các ủy ban khác trực thuộc HĐQT* c. Ban Điều hành;	Thống nhất với quy định tại Điều 137 LDN về cơ cấu tổ chức công ty cổ phần.

		d. Ban Tổng Giám đốc;		
20.	Điều 12.1	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. *Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.*	Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.	Bỏ phần nội dung trùng lặp đã quy định Khoản 4 Điều 13 Điều lệ.
21.	Điều 12.2.a	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp, Bỏ phiếu điện tử hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết.;	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự, *phát biểu* trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền *hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định*. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết	Thống nhất với quy định tại Khoản 1a Điều 115 LDN
22.	Điều 12.2.e	e. Xem xét, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, trích lục các thông tin về *tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết*; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác *của mình*;	Thống nhất với quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 115 LDN.
23.	Điều 12.2.g	a. Trường hợp công ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của công ty tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và bất kỳ Cổ đông ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;	g. Khi công ty giải thể hoặc *phá sản*, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.	Thống nhất với quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 115 LDN.
24.	Điều 12.2.k	k. Được *thông báo đầy đủ* thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tập đoàn.	k. Được *tiếp cận đầy đủ thông tin* định kỳ và thông tin bất thường *do Công ty công bố* theo quy định của Pháp luật.	Thống nhất với quy định tại điểm k Khoản 1 Điều 12 Thông tư 116/2020/TT-BTC.
25.	Điều 12.2.l	l. Được bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình cụ thể: trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ Đông, Cổ Đông có quyền *đề nghị huỷ quyết định* đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trong	l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị *đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT* theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Thống nhất với quy định của LDN. Nội dung về trách nhiệm bồi thường đã quy định tại Điều 40 Điều lệ.

		trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Tập đoàn thì HĐQT, Tổng giám đốc phải đền bù cho Tập đoàn theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Tập đoàn bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật; và		
26.	Điều 12.3.b	b. Yêu cầu HĐQT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đang ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban kiểm toán nội bộ trực tiếp thực hiện và báo cáo.	*Bỏ nội dung này*	Luật quy định nghĩa vụ kiểm tra này thuộc BKS, công ty không hoạt động theo mô hình có BKS nên đề xuất bỏ.
27.	Điều 12.3.c,d	c. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này. d. *Chưa quy định*	c. Có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	Đưa nội dung Điều 18.4 lên để đảm bảo tính liền mạch các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Thuận tiện cho việc tra cứu.
28.	Điều 13.2	2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp, Bỏ phiếu điện tử hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.	2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp *hoặc biểu quyết thông qua hình thức trực tuyến,* bỏ phiếu điện tử hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác mà pháp luật cho phép. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.	Ghi nhận thêm quyền tham gia bằng hình thức trực tuyến.

29.	Điều 13.6	6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	*Bỏ nội dung này*	Trùng với Khoản 10 điều này.
30.	Điều 14.2	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm *và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.* Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời *đại diện công ty kiểm toán độc lập* dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. Tổng giám đốc đề xuất tới HĐQT chương trình họp dự kiến về việc họp ĐHĐCĐ hàng năm. ...	HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, *ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối,* Công ty phải mời *đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính kiểm toán* của công ty dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của công ty. Tổng giám đốc đề xuất tới HĐQT chương trình họp dự kiến về việc họp ĐHĐCĐ hàng năm. ...	Trình bày lại cho phù hợp.
31.	Điều 14.3.b	3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: ..... b. Khi số thành viên của HĐQT *ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;*	3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: ..... b. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên *tối thiểu* mà luật pháp quy định;	Thống nhất với quy định tại Điều 140 LDN.
32.	Điều 14.4.c	c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được công ty *hoàn lại*. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được công ty *chi trả*. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Thay đổi từ ngữ phù hợp hơn
33.	Điều 15	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ 1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của HĐQT;	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 1. Thông qua chiến lược sản xuất kinh doanh năm, chiến lược xây dựng lực lượng năm (tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự, tổng kết đánh giá thực hiện) và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;	- Cập nhật và trình bày lại về các quyền và nghĩa vụ theo LDN 2020, NĐ 155/2020/NĐ-CP. - Điểm d khoản 1 quy định tỷ

		c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ; c. Số lượng thành viên của HĐQT; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT; f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của m. Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; 3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT; 4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; 6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; 7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; 8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; 9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; 10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT; 11. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT; 12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; 13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.	lệ từ 50% (Đ138 LDN cho phép) để tăng quyền chủ động cho HĐQT.

		n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; u. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; ư. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty; 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các Các hợp đồng quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.		
34.	Điều 16	Điều 16: Đại diện theo ủy quyền	Điều 16: Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Phù hợp với thực tế
35.	Điều 16.1	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. *Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.*	Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 21 Điều lệ này.	Trình bày cho rõ nghĩa. Chuyển một số nội dung xuống khoản 2 cho phù hợp

36.	Điều 16.2	2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. …	Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. *Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.* …	Thêm nội dung chuyển từ khoản 1 sang.
37.	Điều 16.3	3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó *(nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)*.	*Bỏ nội dung này*	Không cần thiết
38.	Điều 17.1.	1. Các quyết định của ĐHĐCĐ (trong các trường hợp quy định tại Điều 15.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, *đồng thời được cổ đông giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua*.	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. *Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành* trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	- Chỉ trường hợp làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi mới cần có biểu quyết của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (Khoản 6 Điều 148 LDN). - Các trường hợp khác chỉ cần tỷ lệ 65%.
39.	Điều 18.2.b	a. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;	a. Xác định hình thức tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;	Bổ sung nhiệm vụ xác định hình thức họp: trực tiếp, trực tuyến,....

40.	Điều 18.3	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm (dịch vụ bưu chính, fax, email, tin nhắn, điện thoại có xác nhận của cổ đông,... trong đó chú trọng phương thức sử dụng email)...	Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng các phương thức *đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông* (dịch vụ bưu chính, fax, email, tin nhắn, điện thoại có xác nhận của cổ đông,... trong đó chú trọng phương thức sử dụng email)...	Trình bày lại cho rõ nghĩa.
41.	Điều 18.3.d	d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.	*Bỏ nội dung này*	Luật hiện hành không bắt buộc phải theo mẫu của công ty.
42.	Điều 18.4	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ.	*Bỏ nội dung này*	Đưa lên Điều 12.3 cho liền mạch, thống nhất.
43.	Điều 18.5.b	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	*Bỏ nội dung này*	Không cần thiết
44.	Điều 18.6	6. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	*Bỏ nội dung này*	Đã quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 18 Điều lệ.
45.	Điều 18.7	7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	*Bỏ nội dung này*	Đã quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ.
46.	Điều 19.2	2. Trường hợp *không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội*, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp *có thể* hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Đảm bảo linh hoạt trong thực tế tổ chức.

		Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.		
47.	Điều 19.3	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do *không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội*, ĐHĐCĐ lần thứ ba *có thể* được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp *có thể* hủy cuộc họp Thông báo mời họp lần thứ ba *phải* được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Đảm bảo linh hoạt trong thực tế tổ chức và Thống nhất với quy định tại Điều 145 LDN.
48.	Điều 20.2	2. … Đại hội sẽ tự chọn *trong số đại biểu* những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.	2. …Đại hội *bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu* theo đề nghị của Chủ tọa.	Thống nhất với quy định tại Điều 146 LDN .
49.	Điều 20.3	3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền *cho một người khác* tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	Tách nội dung về các hình thức dự họp thành 1 điều riêng (Điều 21).

		c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến; d. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Đối với trường hợp Bỏ phiếu điện tử, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT ban hành "Quy chế hướng dẫn Bỏ phiếu điện tử" để thông qua các vấn đề của Đại hội. e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử trong thời gian cho phép và theo hướng dẫn của Đại hội. Đối với các trường hợp (c), (d), (e), HĐQT sẽ có quy định riêng về cách thức tổ chức, và việc xác nhận tham dự và biểu quyết được coi là hợp lệ nếu không vi phạm các quy định này.		
50.	Điều 20.4	ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì và là Chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì HĐQT bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. *Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội.* Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ toạ cuộc họp.Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	Việc bầu chủ tọa và thư ký được quy định như sau: a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc *ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa* cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; c) *Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.*	Quy định rõ về chủ trì và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ. Thống nhất với quy định tại Điều 146 LDN.

51.	Điều 20.8 và Điều 20.10	8. *Người triệu tập đại hội hoặc Thư ký đại hội* có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. 10. *Người triệu tập Đại hội*, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành *các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp* để: a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. *HĐQT* có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu *HĐQT* thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	8. *Chủ tọa đại hội* có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. 10. Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để: a. Điều chỉnh số người có mặt tại các địa điểm họp ĐHĐCĐ; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. *Chủ tọa* có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu *Chủ tọa* thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	Thay từ "Người triệu tập đại hội", "HĐQT" thành chủ tọa để Thống nhất với quy định tại Điều 146 LDN. Chủ tọa có quyền điều hành, sắp xếp cuộc họp tại tất cả các địa điểm họp.
52.	Điều 20.9	9. Người triệu tập Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên, không cho phép tham gia Đại hội.	Người triệu tập họp *hoặc chủ tọa cuộc họp* Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.	Thống nhất với quy định tại Điều 146 LDN.
53.	Điều 20.11.a	Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");	Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại *một hoặc nhiều địa điểm ghi trong thông báo mời họp và địa điểm chủ toạ đại hội tham dự trực tiếp được xác định là "Địa điểm chính của đại hội" và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam*;	Sửa cho phù hợp với các việc tổ chức họp kết hợp trực tiếp, trực tuyến,...

54.	Điều 20.12	12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội. *Khi được sự chấp thuận của Người triệu tập Đại hội, cổ đông có thể tham dự ĐHĐCĐ bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện cổ đông này phải nghe được những gì cổ đông khác có mặt tại Đại hội nói và các cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì cổ đông này nói. Hình thức này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự, cổ đông sẽ tiến hành bỏ phiếu theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin tại Đại hội.*	12. Trong điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.	Bỏ các nội dung trùng lặp đã quy định tại Điều 21 mới.
55.	Điều 20.13.	13. Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	*Bỏ nội dung này*	Đã quy định tại Điều 14.1 Điều lệ.
56.	Điều 21 (mới)	*Chưa quy định*	Điều 21. Hình thức dự họp ĐHĐCĐ Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến; *d. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;* e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử trong thời gian cho phép và theo hướng dẫn của Đại hội. *Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ theo điểm (c), (d), (e) khoản này, HĐQT sẽ có quy định riêng về cách thức tổ chức, và việc xác nhận tham dự và biểu quyết được coi là hợp lệ nếu không vi phạm các quy định này.* *Đối với trường hợp Bỏ phiếu điện tử, HĐQT ban hành "Quy chế/Hướng dẫn Bỏ phiếu điện tử" để thông qua các vấn đề của Đại hội.*	Căn cứ quy định tại K3Đ144 LDN 2020, quy định rõ về cơ chế để xác định việc tham dự và biểu quyết của cổ đông thông qua việc ứng dụng về công nghệ thông tin hiện đại một cách hiệu quả, tiết kiệm.

57.	Điều 21.1.d	d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Sửa tương ứng với điều khoản quyền hạn của ĐHĐCĐ
58.	Điều 21.3	3. Các quyết định khác của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	3. Các quyết định khác của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại *khoản 1 và khoản 2 điều này và khoản 1 Điều 17* Điều lệ này.	Bổ sung trường hợp làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi quy định tại K1Đ17 Điều lệ và K6Đ148 LDN.
59.	Điều 21.4	4. Các nghị quyết được thông qua tại ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngày cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định	*Bỏ nội dung này*	Đã quy định tại Điều 25.2 Điều lệ.
60.	Điều 22.1	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ *về các vấn đề quy định tại Điều 15* Điều lệ này nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;	Quy định rõ các trường hợp được xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.
61.	Điều 22.3.a	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, *nơi đăng ký kinh doanh của công ty;*….	… Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;…	Phù hợp với thực tế.
62.	Điều 22.5.a	… Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, *nơi đăng ký kinh doanh*;… Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về	… Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;… Các thành viên HĐQT, *người kiểm phiếu* và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	Phù hợp với thực tế. Bổ sung trách nhiệm của người kiểm phiếu.

		các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;		
63.	Điều 22.8	8. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Trình bày lại cho rõ nghĩa.
64.	Điều 23	Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm lập biên bản họp hoặc có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. và có các nội dung chủ yếu sau đây… Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra *theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. ....*	Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm lập biên bản họp hoặc có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:… Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra *theo đúng thời hạn và thủ tục quy định tại Điều 25 Điều lệ này. ....*	Thống nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 150 LDN về ngôn ngữ của Biên bản ĐHĐCĐ. Thống nhất với quy định về yêu cầu hủy quyết định của ĐHĐCĐ tại Điều 24 Điều lệ.
65.	Điều 26.1	1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế...	1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. *Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Cơ cấu HĐQT của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.* *Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc…*	Bổ sung quy định về số thanh viên HĐQT tối thiểu, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập và trường hợp tất cả các thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ theo Đ154 LDN.
66.	Điều 26.1.a	Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;	Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT là 05 thành viên;	Thống nhất với quy định tại điều 26.1 về số lượng thành viên HĐQT công ty.
67.	Điều 26.2	1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:	1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:	Bổ sung thêm tiêu chuẩn điều kiện làm thành viên HĐQT để

		a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c. Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác phù hợp với quy định của pháp luật.	a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c. Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác phù hợp với quy định của pháp luật. *d. Có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty như kinh doanh Bất động sản, sản xuất và kinh doanh điện năng, kinh doanh nước sạch, logistics,… Thành viên HĐQT phải có đủ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thuộc chuyên ngành do mình phụ trách, Chủ tịch HĐQT phải có kiến thức về tất cả các chuyên ngành thuộc lĩnh vực hoạt động của công ty.*	phù hợp với thực tế.
68.	Điều 26.5	... Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng *và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.*	Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng.	Phù hợp với thực tế và thống nhất với quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 115 LDN
69.	Điều 26.6	6. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: a. *Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;* *b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;* *c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;* *d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này HĐQT*	6. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp *bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.*	Cập nhật lại theo quy định tại Điều 160 LDN.

		không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; *e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.*		
70.	Điều 26.7	HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó ...	*Bỏ nội dung này*	Thẩm quyền bầu thành viên HĐQT thuộc về ĐHĐCĐ (Điều 138, Điều 147 LDN)
71.	Điều 26.9	9. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	*Bỏ nội dung này*	Đã quy định tại Điều 26.2 điều lệ.
72.	Điều 27.2, 27.5, 27.6	2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. 5. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định chiến lược của Công ty, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, ngân sách hàng năm và chính sách quản lý rủi ro; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải	"Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, Phân cấp ra quyết định của Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô, Phân công HĐQT, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Lập chiến lược sản xuất kinh doanh hàng năm, xây dựng lực lượng năm; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	Gộp các Điều 27.2, 27.5, 27.6 do đều trình bày về quyền và nghĩa vụ HĐQT theo luật. Trình bày lại theo quy định tại Đ153 LDN, có kế thừa các quy định của Điều lệ hiện hành phù hợp với thực tế công ty, bỏ các điều khoản có nội dung trùng lặp.

		quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó; f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; g. Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, đề xuất phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; h. Quyết định giá chào bán trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền; i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của công ty; j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); k. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc; l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty. n. Quyết định các hợp đồng, hoặc phương án, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định; o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo	i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban điều hành và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; j. Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết; m.Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ; n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty; p. Quyết định các vấn đề thuộc pháp luật công ty;	

		tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của công ty. 6. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty; c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh); d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 50 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;		

		h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.		
73.	Điều 27.3	3. HĐQT phê duyệt *bảng phân cấp ra quyết định giữa HĐQT và Ban điều hành* trên cơ sở nội dung công việc phân công đối với Ban điều hành.	3. HĐQT phê duyệt *bảng phân cấp ra quyết định của Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô*.	Sửa lại tên bảng phân cấp cho thống nhất.
74.	Điều 27.4	*Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty*. Trong trường hợp quyết định thông qua trái với pháp luật hoặc điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp nhận thông qua quyết định đó cũng phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty, thành viên phản đối thông qua quyết định đó được miễn trừ trách nhiệm.	Trong trường hợp quyết định thông qua trái với pháp luật hoặc điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp nhận thông qua quyết định đó cũng phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty, thành viên phản đối thông qua quyết định đó được miễn trừ trách nhiệm.	Tinh gọn văn bản, tránh trùng với Khoản 5 Điều này.
75.	Điều 27.7	7. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, *cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc* và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.	HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ *kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định của pháp luật.*	Các nội dung báo cáo cụ thể thực hiện theo yêu cầu của pháp luật từng thời kỳ (Điều 280 NĐ155/NĐ-CP).

76.	Điều 27.8	8. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	*Bỏ nội dung này*	Việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.
77.	Điều 27.9 27.10 27.11 27.12	9. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. 10. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, *công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp* phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. 11. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT. 12. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT *1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.* 2. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc theo quyết định của chủ tịch HĐQT trong trường hợp không thoả thuận được. Tổng mức thù lao, chi phí chi trả HĐQT chưa chi hết của năm cũ được chuyển sang năm tiếp theo để bổ sung nguồn chi cho các hoạt động của HĐQT. 3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT. 5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.	Tách riêng các mục này thành Điều 28. Trình bày lại Thống nhất với quy định tại Điều 163 LDN và Quy chế hoạt động HĐQT HDG.

		các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.		
78.	Điều 27.13	13. Nhiệm vụ của Thành Viên Hội đồng quản trị: f. Các thành viên HĐQT được phân công lãnh đạo ở ngành nghề và mảng hoạt động nào phải chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo và thống nhất với các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định kịp thời, hiệu quả đúng theo phân cấp HĐQT – Ban điều hành Công ty CP Tập đoàn Hà Đô, theo đúng sơ đồ và quy trình trình ký văn bản, hồ sơ tài liệu ban hành. g. Các thành viên HĐQT chủ động tham dự các buổi họp của các ngành, lĩnh vực phụ trách, dự giao ban tuần, yêu cầu ngành mình phụ trách cung cấp tài liệu và phối hợp hành động hiệu quả. Chủ tịch HĐQT có thể mời hội ý bất kỳ lúc nào và họp Hội đồng Quản trị một cách linh hoạt và theo định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, nếu ngay sau đó là ngày nghỉ thì sang ngày kế theo, giờ họp cụ thể được Văn thư HĐQT thông báo trước đó. h. Các thành viên Hội đồng Quản trị phải sử dụng tối đa công nghệ thông tin để họp trực tuyến, kiểm tra công trình, dự án, quản lý công ty, được cấp các điểm truy cập vào các camera quản lý tại các công trình, dự án của công ty i. Hàng tháng các thành viên HĐQT chuyên trách tham dự họp giao ban tháng	*Bỏ nội dung này*	Nội dung khoản này sẽ quy định chi tiết trong Phân công HĐQT.

		với Ban điều hành để nắm bắt các mặt hoạt động sản xuất sinh doanh, lập kế hoạch hành động cá nhân hàng tháng. Kế hoạch tháng được chuyển cho Thư ký HĐQT để the dõi lưu trữ và chuyển cho Chủ tịch HĐQT để được chỉ đạo thực hiện thống nhất trong Công ty CPTĐ Hà Đô và trong Tập đoàn Hà Đô. j. HĐQT Công ty CP Tập đoàn Hà Đô là HĐQT của Tập đoàn Hà Đô có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên trong Tập đoàn. Thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực nào thì lãnh đạo lĩnh vực đó dưới góc độ Tập đoàn thông qua Chủ tịch Tập đoàn và HĐQT tại các công ty thành viên đó.		
79.	Điều 28.1	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch và các chức danh khác để đảm bảo HĐQT vận hành hiệu quả.	Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Trình bày đầy đủ, thống nhất quy định của LDN.
80.	Điều 28.2	2. Chủ tịch HĐQT có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Thực hiện theo bản phân cấp ra quyết định giữa HĐQT và Ban điều hành. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch Tập đoàn, có trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Tập đoàn theo quy định và quy chế hoạt động Tập đoàn đã ban hành. b. Chủ tịch HĐQT đại diện cho Công ty trước cơ quan Nhà nước và những người khác về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong khuôn khổ của Điều lệ này và các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT. …	2. Chủ tịch HĐQT có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a) Chủ trì lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; b) Chủ trì chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT; d) Chủ trì giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ f) Chủ tịch HĐQT phân công cho các thành viên phụ trách các ngành phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và bản Phân cấp ra quyết định của Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô.	Thống nhất với quy định tại Điều 156 LDN.

81.	Điều 29	Điều 29. Thành viên HĐQT thay thế ...	*Bỏ nội dung này*	- Chưa phù hợp do thẩm quyền bầu thành viên HĐQT thuộc về ĐHĐCĐ (Điều 138, 147 LDN). Ngoài ra, LDN đã có quy định cho phép thành viên HĐQT được quyền ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
82.	Điều 30.1	1. *Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.* Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	*Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQTị đó.* Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.	Trình bày lại cho rõ nghĩa.
83.	Điều 30.2	2. *Các cuộc họp thường kỳ*. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm *họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến*. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.	2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch HĐQT gửi thông báo mời họp, xác định cụ thể thời gian và địa điểm, các nội dung thảo luận *ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp dự kiến.* *Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp của HĐQT cũng có thể được tiến hành ngay sau khi các thành viên HĐQT nhận được thông báo bằng điện thoại, tin nhắn hoặc email hoặc phương tiện khác và được sự thống nhất của các thành viên HĐQT dưới mọi hình thức.*	Sửa phù hợp với thực tế .
84.	Điều 30.3	3. *Các cuộc họp bất thường*. Chủ tịch triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính	3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận: *a) Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên HĐQT độc*	Không tách ra họp thường kỳ và họp bất thường mà chỉ trình bày là họp HĐQT như luật.

		đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: *a) Có đề nghị của thành viên HĐQT độc lập…*	*lập…*	
85.	Điều 30.4	4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn *mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp...*	4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn *07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp...*	Thống nhất với quy định tại Điều 157.5 LDN.
86.	Điều 30.5	5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	*Bỏ nội dung này*	Không cần thiết
87.	Điều 30.6, 30.7	6. Địa điểm họp... 7. Thông báo và chương trình họp....	*Bỏ nội dung này*	Không cần thiết
88.	Điều 30.8	8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi *có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế…*	Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi *có từ 3/4 tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp…*	Thống nhất với quy định tại Điều 157 LDN.
89.	Điều 30.9, 30.11	9. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 30, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết; *b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT*	Mỗi thành viên HĐQT hoặc Thành viên HĐQT được ủy quyền dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được *đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.*	Bỏ mục 30.9.b, 30.9.c, 30.9.d, do quy định không rõ ràng và chuyển sang quy định tại Điều 38. Trình bày lại cho ngắn gọn, Thống nhất với quy định tại Điều 157 LDN.

		về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; *c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến mức độ lợi hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;* *d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 38.4a và Điều 38.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.* 11. Biểu quyết đa số. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của *đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%).*		
90.	Điều 30.10	10. Công khai lợi ích. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	*Bỏ nội dung này*	Đã quy định tại Điều 38 Điều lệ.

91.	Điều 30.12	12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.	7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. c) Tham dự và biểu quyết *thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;*	Trình bày rõ các hình thức tham dự và biểu quyết họp HĐQT để thống nhất với quy định tại Điều 157 LDN. Ứng dụng công nghệ thông tin để linh hoạt thủ tục thông qua Nghị quyết của HĐQT.
92.	Điều 30.13	13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết bằng văn	13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi có đa số thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng	Trình bày lại cho ngắn gọn và phù hợp với thực tế.

		bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên HĐQT sau đây: a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT; b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.	cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.	
93.	Điều 30.14	14. Biên bản họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.	14. Biên bản họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển *Biên bản họp, Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho các thành viên bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua phương tiện điện tử như email, viber,.... và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty. Những văn bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được. Hết thời hạn trên, biên bản họp HĐQT được xem là hợp pháp và có hiệu lực ngày cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.* Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.	Đảm bảo cơ sở pháp lý cho các BB, NQ của HĐQT trong trường hợp tổ chức họp linh hoạt bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.
94.	Điều 30.15	15. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể	*Bỏ nội dung này*	Không cần thiết

		cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.		
95.	Điều 31.1	1. HĐQT có thể thành lập, giải thể, đổi tên các tiểu ban trực thuộc HĐQT: Ủy ban kiểm toán, Ủy ban tài chính chứng khoán, Ủy ban phát triển năng lượng, Ủy ban quản lý thiết kế (hay Ủy ban kỹ thuật công nghệ), Ủy ban đầu tư kinh doanh và các Tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ.	1. HĐQT có thể thành lập, giải thể, đổi tên các tiểu ban trực thuộc HĐQT để trợ hoạt động của HĐQT, phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ.	Tinh gọn văn bản.
96.	Điều 32.1	1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành.	1. *Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị*. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên HĐQT không điều hành.	Thống nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 161 LDN
97.	Điều 33	Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng giám đốc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên HĐQT, và *được Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức*.	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong hoạt động SXKD hằng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng *và các cán bộ quản lý khác* do HĐQT bổ nhiệm. Việc *bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT*. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT.	Trình bày lại, thống nhất với quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 153, Điều 162 LDN.
98.	Điều 32.3.e	e) Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và quy định Pháp luật.	e. Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo Điều lệ này, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và quy định Pháp luật.	Làm rõ quyền hạn và nghĩa vụ UBKT.
99.	Điều 32.3.f	*Không quy định*	*f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình HĐQT thông qua.*	Bổ sung thêm quyền hạn và nghĩa vụ UBKT.

100.	Chương VIII	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	VIII. TIII. IÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGUI. IÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KH	Sửa đổi tên chương phù hợp với nội dung điều khoản
101.	Điều 34.1	1. *Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước HĐQT và do HĐQT lãnh đạo, giám sát.* Ban Điều hành Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, *Kế toán trưởng và một số Cán bộ quản lý khác,* tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.	1. Ban Điều hành Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.	Bỏ đoạn đầu do trùng với Điều 33. Bỏ phần "Kế toán trưởng và một số cán bộ quản lý khác" do thực tế BĐH chỉ có TGĐ, PTGĐ.
102.	Điều 34.2	Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. *Cán bộ quản lý phải được đào tạo đúng chuyên ngành* và phải có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	Phù hợp với thực tế
103.	Điều 34.3	3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Ban Điều hành Công ty do HĐQT quyết định và theo hình thức giao khoán chi phí quản lý trên cơ sở Phòng Kinh tế kế hoạch trình kế hoạch *đầu vào* và Phòng Hành chính nhận sự kiểm soát *đầu ra*.	3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Ban Điều hành Công ty do HĐQT quyết định và theo hình thức giao khoán chi phí quản lý trên cơ sở Phòng Kinh tế kế hoạch trình kế hoạch *nguồn* và Phòng Hành chính nhận sự kiểm soát *chi tiêu.*	Thay đổi cách dùng từ.
104.	Điều 35.2	2. … Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.	2. … Tổng giám đốc phải đáp ứng các *điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty*.	Dẫn chiếu đến quy định pháp luật để đảm bảo đầy đủ.

105.	Điều 35.3.a	3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Thực hiện theo bảng *phân cấp ra quyết định giữa HĐQT và Ban điều hành*. Tổng Giám đốc điều hành công ty là Tổng Giám đốc toàn Tập đoàn, có trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc Tập đoàn theo quy định và quy chế hoạt động Tập đoàn đã ban hành...	3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Thực hiện theo bản *Phân cấp ra quyết định của Công ty cổ phần tập đoàn Hà Đô*. Tổng Giám đốc Công ty là Tổng Giám đốc toàn Tập đoàn Hà Đô, có trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc Tập đoàn Hà Đô theo quy định và quy chế hoạt động đã ban hành...	Sửa lại tên bản Phân cấp cho thống nhất.
106.	Điều 35.3.d	d. Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty *theo những thông lệ quản lý tốt nhất;*	Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc mà không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty *theo quy định pháp luật;*	Phù hợp với quy định pháp luật
107.	Điều 35.3.g	g. *Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm*, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.	Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.	Phù hợp với thực tế
108.	Điều 35.3.k	Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông	*Bỏ nội dung này*	"Dự toán" là khái niệm cũ, không còn phù hợp.

		tin quy định tại các quy chế của Công ty.		
109.	Điều 35.3.j (mới)	*Không quy định*	Theo bản phân công Ban điều hành, Tổng giám đốc có thể ủy nhiệm cho các Phó tổng giám đốc phụ trách ngành quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.	Phù hợp với thực tế
110.	Điều 35.4	4. Quyền hạn và nhiệm vụ của các Phó Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc được giao phụ trách ngành nào được Người đại diện pháp luật của Công ty ủy quyền ký, đóng dấu, giải quyết toàn diện công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Các Phó Tổng giám đốc hành động và chịu trách nhiệm cá nhân theo trước Ban điều hành và HĐQT theo phân cấp, ủy quyền HĐQT và Ban điều hành. Các Phó Tổng giám đốc các ngành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng, đào tạo cán bộ kế tiếp và các bộ chuyên môn.	4. Quyền hạn và nhiệm vụ của các Phó Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm *giúp Tổng Giám đốc trong lĩnh vực được giao phụ trách*. Các Phó Tổng giám đốc hành động và *chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng giám đốc và HĐQT* theo phân công Ban điều hành. Các Phó Tổng giám đốc các ngành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng, đào tạo cán bộ kế tiếp và các bộ chuyên môn.	Phù hợp với thực tế
111.	Điều 35.6	6. HĐQT có thể ,miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc có thể từ chức với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định. Tuy nhiên, việc từ chức này không làm mất trách nhiệm của Tổng giám đốc với các công việc mà Tổng giám đốc đã giải quyết trước đó.	Tổng giám đốc có thể từ chức với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định. Tuy nhiên, việc từ chức này không làm mất trách nhiệm của Tổng giám đốc với các công việc mà Tổng giám đốc đã giải quyết trước đó.	Bỏ phần trùng lặp với Điều 28 và 34 Điều lệ này
112.	Điều 36	Điều 36. Thư ký Công ty HĐQT sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các	Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty 1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng	Luật quy định công ty đại chúng bắt buộc có Người phụ trách quản trị công ty còn Thư ký công ty thì không bắt buộc.

		quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:…	thời điểm. 2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. 3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.	
113.	Điều 37	Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và *cán bộ quản lý được uỷ thác* có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự. Thực hiện công việc, suy nghĩ hành động theo các điều đã ghi trong bản tuyên thệ nhậm chức của HĐQT đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.	Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý Thành viên HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện công việc, suy nghĩ hành động theo các điều đã ghi trong bản tuyên thệ nhậm chức của các thành viên HĐQT đã được đọc trước ĐHĐCĐ.	Trách nhiệm cẩn trọng áp dụng cho thành viên HĐQT và BĐH và tất cả cán bộ quản lý. Sửa lại để phù hợp với thực tế
114.	Điều 38	Điều 38: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể	Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó	Sửa lại theo tinh thần Đ167 LDN. Điều lệ hiện hành quy định chặt hơn LDN về giá trị giao dịch thuộc quyền quyết định của HĐQT, do đó sửa lại giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản (thay vì 20% như hiện tại) .

		được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. 3. Trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty con, công ty liên kết của Công ty. 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ *dưới 20% tổng giá trị tài sản* được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó	theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 5. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. 6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với giao dịch có giá trị *nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản* được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị *lớn hơn lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản* được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất; hoặc giao dịch dẫn đến giá trị *giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản* được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan. c. Đối với hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cổ đông đã được công bố cho	

		đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc b. Đối với những hợp đồng có *giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản* được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.	các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	
115.	Điều 39.2	2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty *(hay công ty con của Công ty)* uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (*hay công ty con của Công ty*) với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	Bỏ quy định bồi thường trong trường hợp "công ty con" vì đây là hai pháp nhân độc lập. Trình bày lại cho rõ nghĩa.

		khác...		
116.	Chương X	X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	X. QUYỀN *TRA CỨU* SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	Sửa tên chương thống nhất với Điều 115 LDN.
117.	Điều 40.1, 40.2	Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Điều 41. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được *xem xét, tra cứu, trích lục* trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty *các biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty*. Yêu cầu tra cứu do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Thống nhất với quy định tại Điều 115 LDN.
118.	Điều 42.1	1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.	1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.	Trình bày lại cho ngắn gọn, thống nhất với quy định tại Đ138 LDN.
119.	Điều 42.2	2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.	2. *Theo phê duyệt của ĐHĐCĐ,* HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.	Việc chi trả cổ tức thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (Điều 138 LDN).

120.	Điều 42.4, 42.6	4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể *(như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành)* và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.	4. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.	Khoản 4 và khoản 6 cùng nội dung về trả cổ tức, do vậy gộp và trình bày lại cho ngắn gọn, phù hợp thực tế Công ty.
121.	Điều 42.5	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh *(từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông)* thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.	Trình bày lại cho ngắn gọn.
122.	Điều 42.6	6. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng	6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác	Khoản 6 trình bày về cổ tức gộp lên Khoản 4. Thay nội dung Khoản 6 bằng quy định về việc chốt danh sách cổ đông.

		tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.	được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	
123.	Chương XIII	XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	Sửa đổi phù hợp với nội dung các điều khoản trong chương
124.	Điều 44.1	1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	1. Công ty sẽ mở tài khoản tại *các* ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	Sửa lại cho phù hợp thực tế.
125.	Điều 45	Điều 45. Năm tài khóa Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.	Điều 45. *Năm tài chính* *Năm tài chính* của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.	Sử dụng thống nhất cụm từ "Năm tài chính" trong toàn bộ Điều lệ.
126.	Điều 46.1, 46.2	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	Trình bày lại cho phù hợp
127.	Chương XIV	XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	Phù hợp với nội dung điều khoản trong chương
128.	Điều 47.2	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài báo	Trình bày lại cho ngắn gọn.

		phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.	cáo tài chính hàng năm, Công ty còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định.	
129.	Điều 47.3	3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	*Bỏ nội dung này*	Đã quy định tương tự ở Điều 47.4 Điều lệ
130.	Điều 49.1	1. Tại ĐHĐCĐ thường niên sẽ chọn hoặc *giao cho người Đại diện pháp luật của công ty* lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với công ty. [Đối với năm tài chính đầu tiên, HĐQT sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].	1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và *ủy quyền cho HĐQT* quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.	Thống nhất với quy định tại Điều 138 LDN, Thông tư 116/2020/TT-BTC và thực tế tại HDG.
131.	Điều 49.3	3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình *báo cáo đó cho HĐQT trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.*	3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận , lập báo cáo kiểm toán và trình *báo cáo đó cho HĐQT trong thời hạn quy định.*	Phù hợp với thực tế

132.	Điều 49.4, 49.5	4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty. 5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	Trình bày lại cho phù hợp
133.	Điều 50	1. HĐQT sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	1. HĐQT sẽ quyết định thông qua loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc *dấu dưới hình thức chữ ký số* theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.	Phù hợp với thực tế
134.	Điều 52	Điều 52. Gia hạn hoạt động	Điều 52. Thay đổi thời hạn hoạt động	Thay đổi tiêu đề thống nhất với nội dung điều khoản.
135.	Điều 54.1.b	Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. *Phán quyết của HĐQT buộc các bên phải thi hành,* trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp. *Phán quyết của chuyên gia là trọng tài, yêu cầu các bên tôn trọng thi hành.*	Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.	Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

136.	Điều 56	1. Bản điều lệ này gồm XX chương 56 điều, được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 34/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số: 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 của ĐHĐCĐ công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 18/07/2024. 2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau được nộp tới các cơ quan chức năng liên quan và được lưu trữ tại Công ty...	1. Bản điều lệ này gồm XX chương 57 điều, được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số: .../NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/9/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 11/9/2024. 2. Điều lệ được lập thành 01 bản được lưu trữ tại Công ty...	Sửa lại ngày theo hiệu lực. Theo thực tế chỉ ký 01 bản.

Ngoài các sửa đổi được liệt kê tại Phụ lục này, Điều lệ mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, câu từ, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa). Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số Điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới và Mục lục Điều lệ cũng được thay đổi tương ứng.